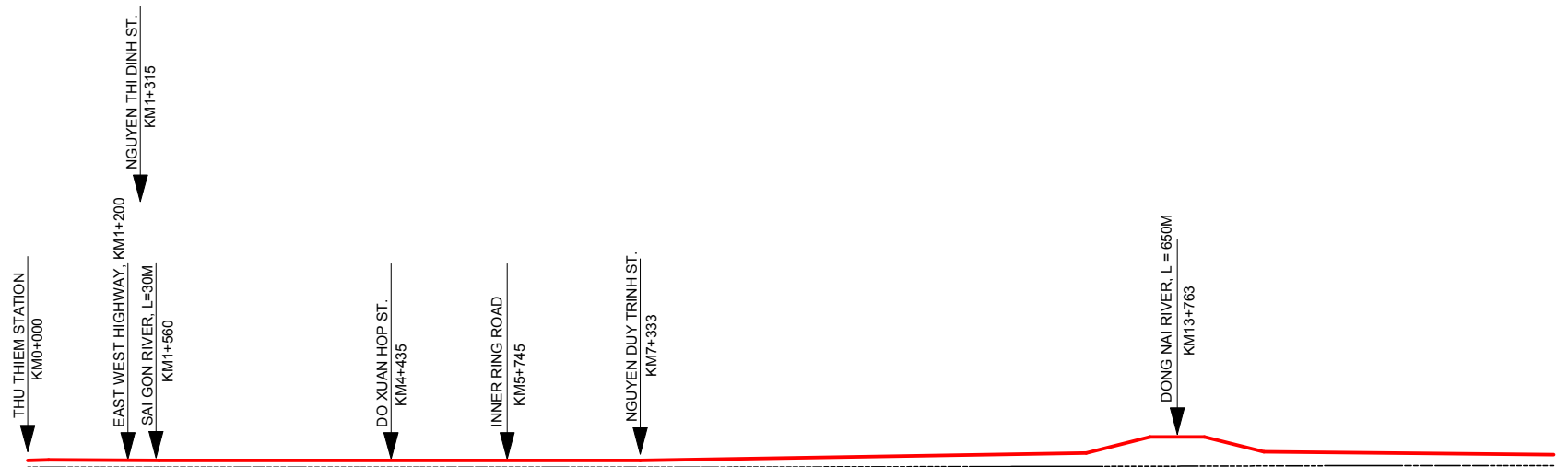
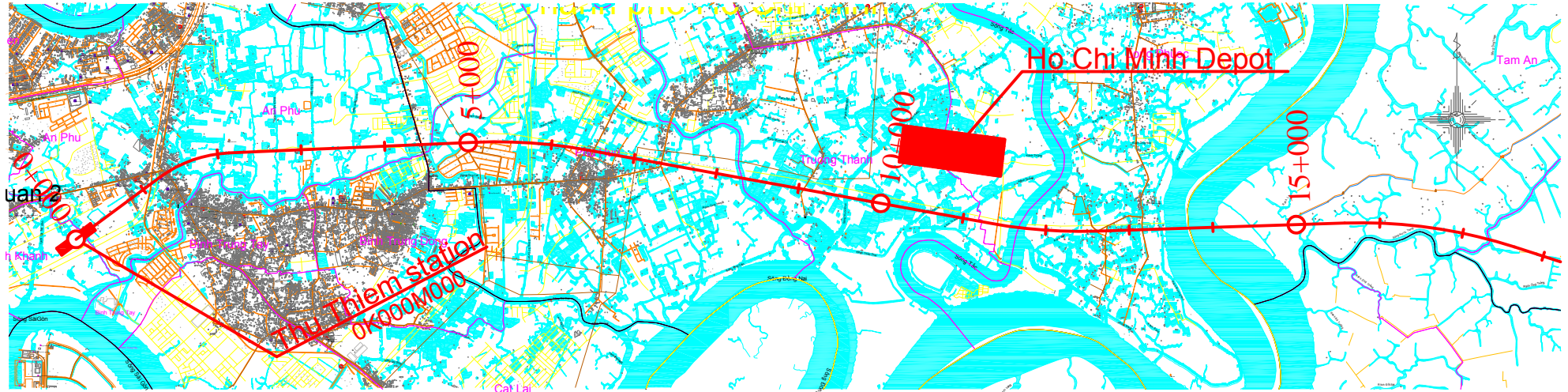
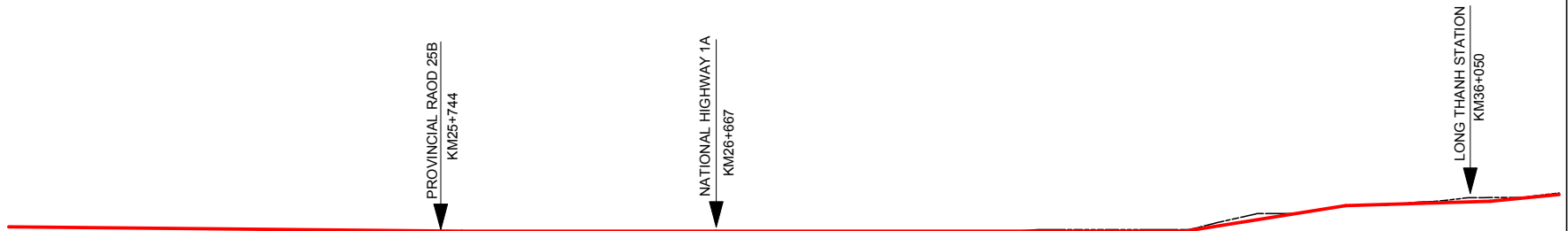
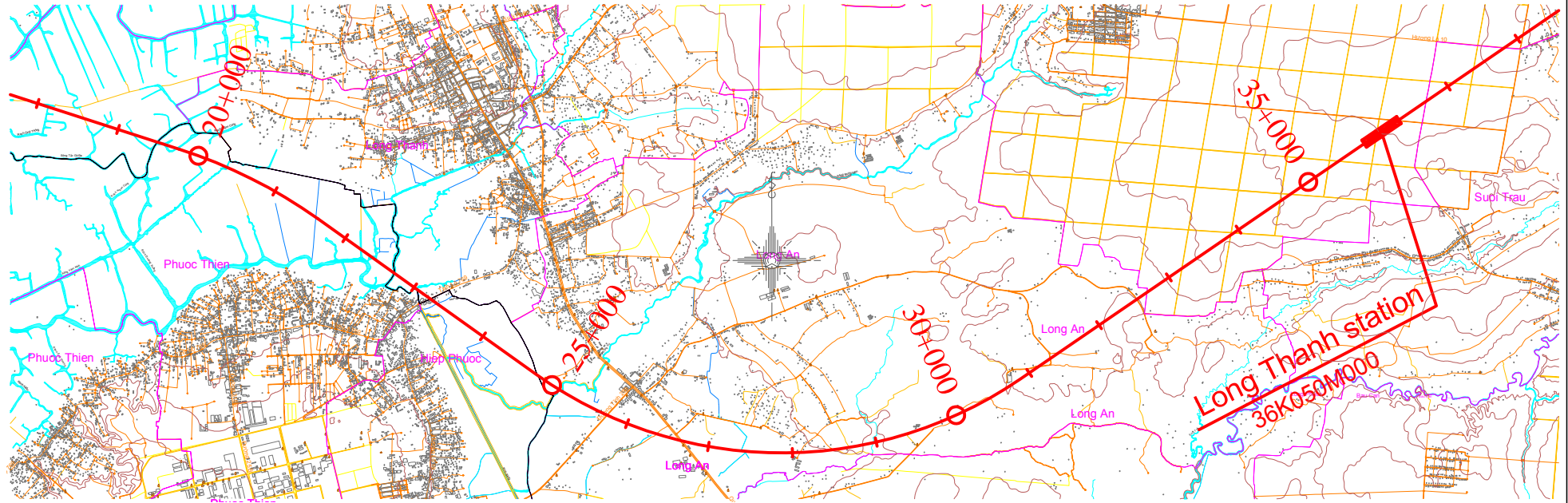


HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



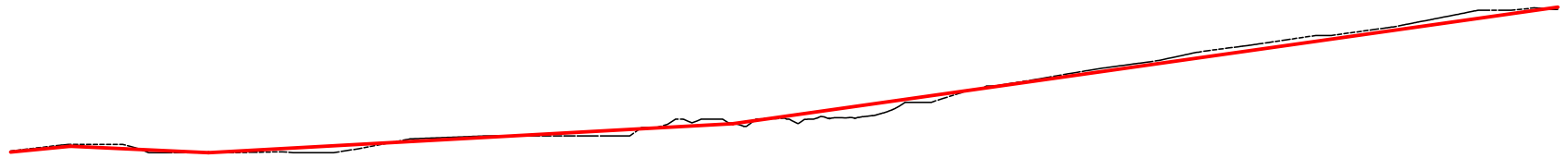
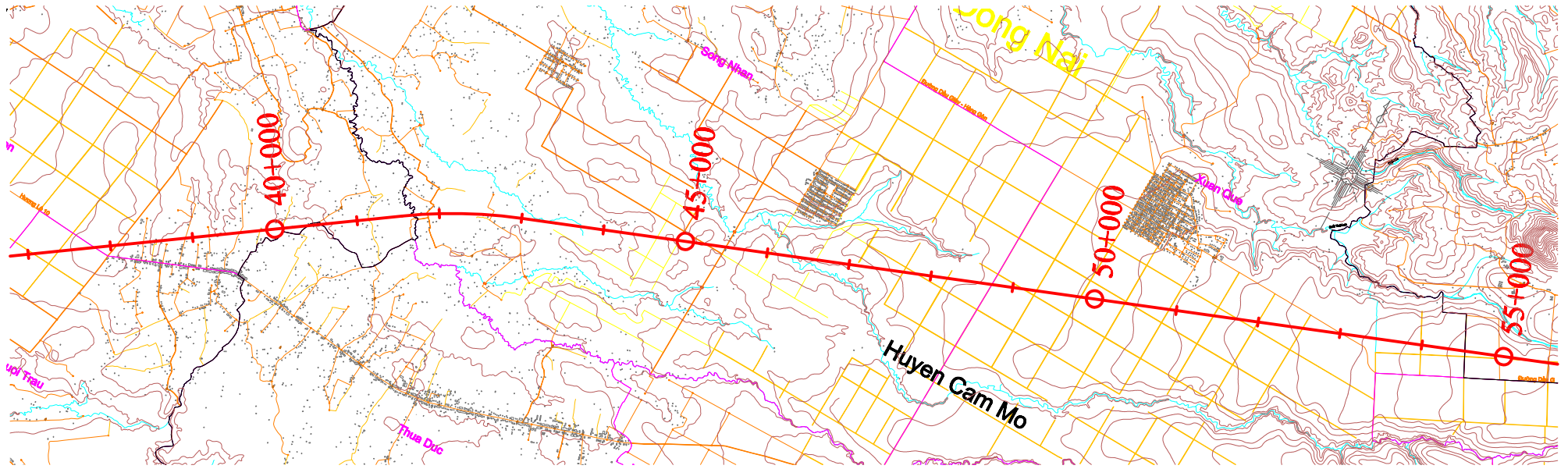
LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%) (m)	i=0.00% L=250.00m		i=-0.06% L=1322.00m		i=0.00% L=5758.00m					i=0.17% L=5339.69m				i=-0.20% L=702.31m		i=0.09% L=650.00m		i=-2.40% L=712.00m							
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	16.00	16.75	16.33	16.00	16.00	16.00	16.00	16.00	16.00	17.13	18.83	20.53	22.22	23.92	25.06	33.25	44.20	44.20	26.40	26.20	25.24	24.27	23.31		
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	8.00	8.00	8.00	8.00	8.00	8.01	8.01	8.01	8.00	8.00	8.01	8.20	8.42	8.66	8.85	9.00	9.06	9.20	9.35	9.59	9.64	9.93	10.00	10.00	
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐƠN (m)	0.00	250.00	1000.00	1575.00	2000.00	3000.00	4000.00	5000.00	6000.00	7000.00	7333.00	8000.00	9000.00	10000.00	11000.00	12000.00	12672.69	13000.00	13438.00	14088.00	14800.00	15000.00	16000.00	17000.00	18000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	L=1245.59m		L=888.80m R=1500.00m		L=2951.03m			L=1338.49m R=6000.00m		L=4906.86m					L=1272.04m R=6000.00m		L=2974.50m			L=2063.67m R=6000.00m					

HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



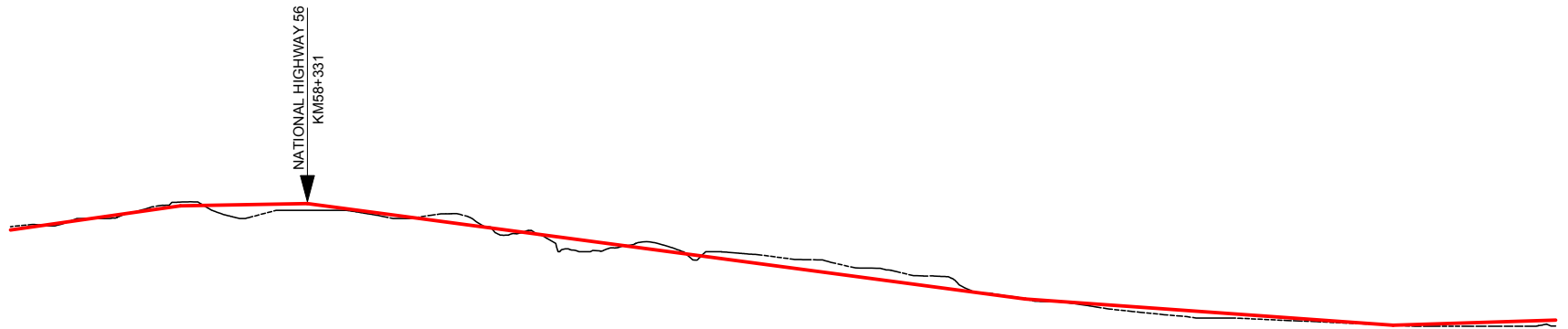
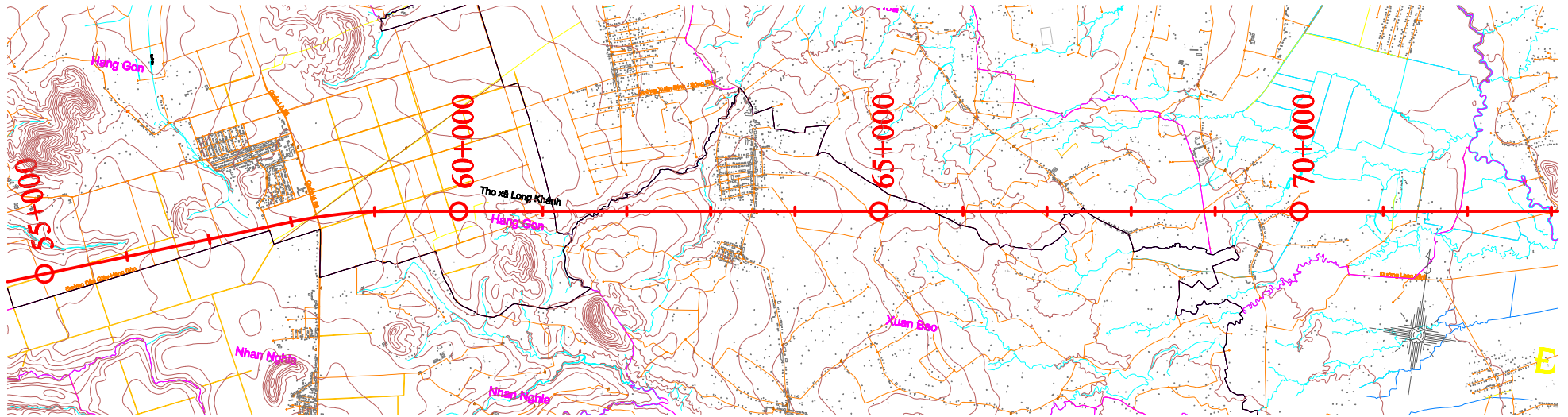
LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%) (m)																									
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	23.31	22.34	21.38	20.41	19.45	18.48	18.00	18.00	18.00	18.00	18.00	18.00	18.00	18.00	18.00	25.99	41.97	49.95	51.46	54.46	55.36	62.29			
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	10.00	9.99	9.99	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	14.86	20.03	20.01	20.00	31.05	42.33	49.96	50.60	59.58	60.03	63.94		
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐƠN (m)	18000.00	19000.00	20000.00	21000.00	22000.00	23000.00	23500.00	24000.00	25000.00	26000.00	26667.00	27000.00	28000.00	29000.00	30000.00	31000.00	32000.00	32500.00	33000.00	34000.00	34499.24	35000.00	36000.00	36300.00	37000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	L=2118.81m		L=1845.21m R=6000.00m		L=3170.50m			L=6096.38m R=5000.00m							L=10676.51m										

HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)	i=0.98% L=250.73m		i=-0.47% L=1646.34m		i=0.55% L=6251.08m										i=1.42% L=11349.29m							
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	62.29	67.75	65.64	60.93	60.01	64.44	69.97	75.50	81.02	86.55	92.07	94.55	102.36	116.52	130.88	144.84	159.00	173.16	187.32	201.48	215.64	229.80
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	63.94	70.00	70.00	60.02	60.01	61.00	65.03	78.06	80.00	80.00	97.18	94.55	100.96	103.09	126.27	146.49	162.91	180.11	194.11	205.82	223.45	232.94
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	37000.00	37550.79	38000.00	39000.00	39197.13	40000.00	41000.00	42000.00	43000.00	44000.00	45000.00	45448.20	46000.00	47000.00	48000.00	49000.00	50000.00	51000.00	52000.00	53000.00	54000.00	55000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG					L=1451.08m R=6000.00m										L=14984.77m							

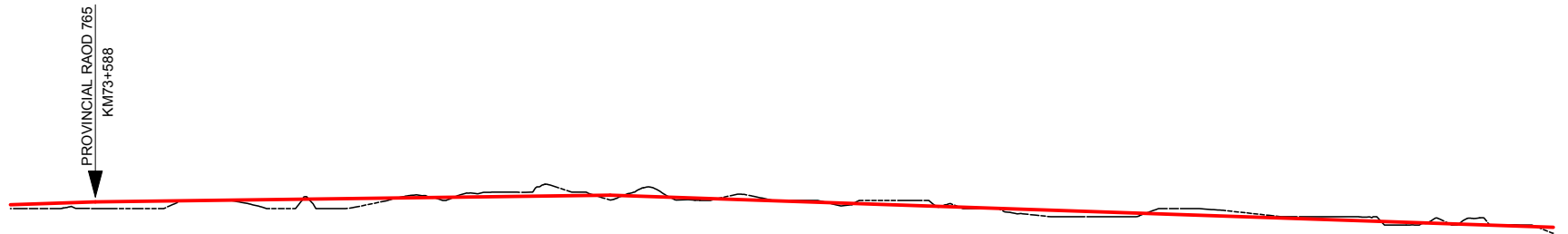
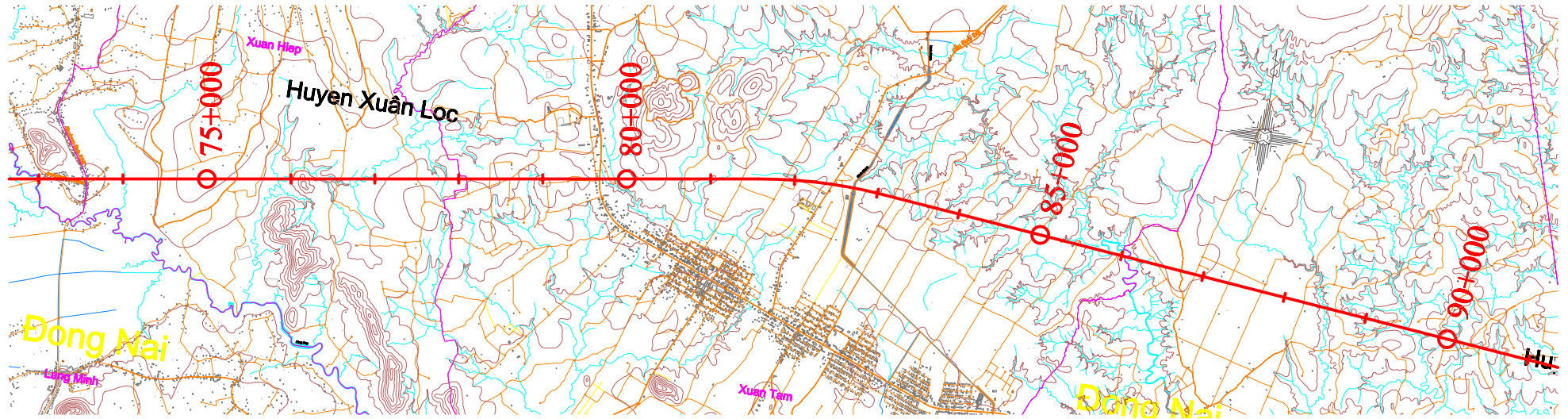
HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)			$i=0.18\%$ $L=1533.50m$		$i=-1.33\%$ $L=8669.00m$								$i=-0.71\%$ $L=4441.02m$		$i=0.32\%$ $L=2146.98m$							
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	229.80	243.96	255.25	255.81	257.41	258.00	249.11	235.81	222.52	209.23	195.94	182.64	169.35	156.06	142.77	135.67	128.57	121.47	114.37	111.24	113.02	116.21
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	232.94	240.50	259.85	260.02	249.96	250.01	246.80	245.77	225.81	204.60	189.93	193.47	180.30	170.09	142.77	131.04	120.92	117.68	113.29	111.24	110.00	110.00
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	55000.00	56000.00	56797.50	57000.00	58000.00	58331.00	59000.00	60000.00	61000.00	62000.00	63000.00	64000.00	65000.00	66000.00	67000.00	68000.00	69000.00	70000.00	71000.00	71441.00	72000.00	73000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG					$L=1246.88m$ $R=6000.00m$																$L=222339.13m$	

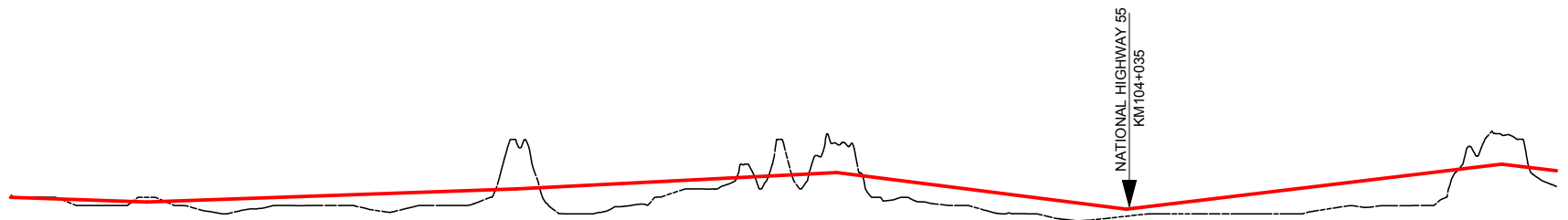
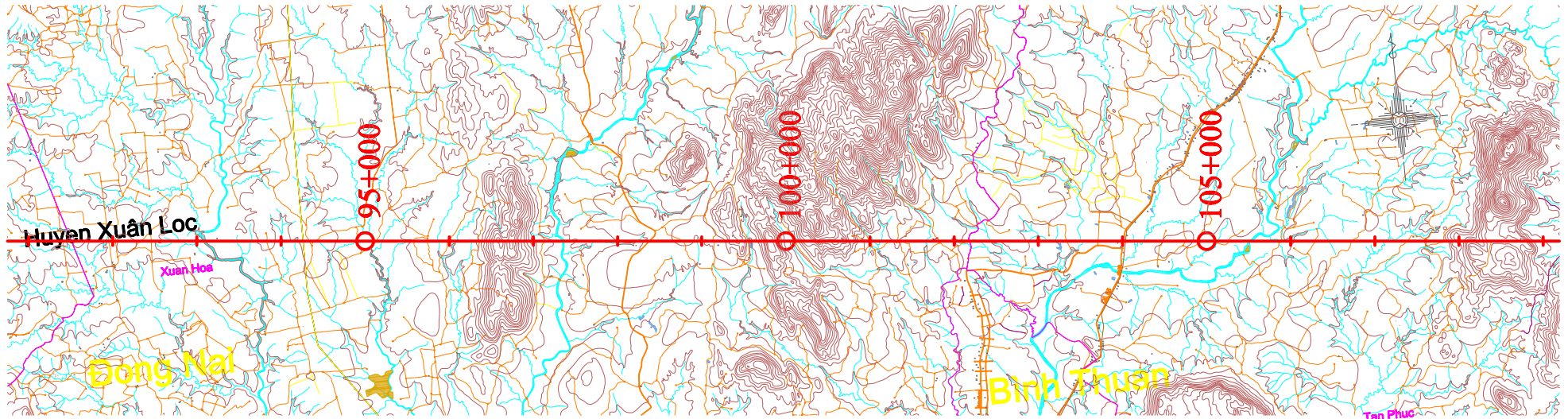
HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000

05/21



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)	32% +6.98m		i=0.13% L=6263.50m							i=-0.34% L=12318.00m																		
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	73000.00	73588.00	74000.00	75000.00	76000.00	77000.00	78000.00	79000.00	79851.50	80000.00	81000.00	82000.00	83000.00	84000.00	85000.00	86000.00	87000.00	88000.00	89000.00	90000.00	91000.00							
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	110.00	110.08	110.00	118.62	119.91	121.21	110.00	116.86	122.51	123.80	125.10	120.51	126.20	125.70	120.00	122.30	118.91	120.00	115.52	112.12	108.73	105.34	101.94	98.55	95.16	91.76	86.37	
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	73000.00	73588.00	74000.00	75000.00	76000.00	77000.00	78000.00	79000.00	79851.50	80000.00	81000.00	82000.00	83000.00	84000.00	85000.00	86000.00	87000.00	88000.00	89000.00	90000.00	91000.00							
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG												L=1503.59m R=6000.00m																

HSR ALIGNMENT PLAN (HCMC - NHA TRANG SECTION) Scale = 1/50000



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)																							
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	88.37	84.98	84.40	87.30	90.80	94.30	97.80	100.00	101.91	107.08	112.24	117.40	120.00	113.68	100.96	88.25	75.54	87.56	99.59	111.61	123.63	130.00	124.43
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	90.01	85.20	90.00	71.51	79.93	73.17	80.03	157.55	82.44	79.83	100.00	107.20	154.42	89.97	80.00	68.03	67.16	70.00	70.00	78.89	122.73	165.53	111.33
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	91000.00	92000.00	92169.50	93000.00	94000.00	95000.00	96000.00	96630.00	97000.00	98000.00	99000.00	100000.00	100502.50	101000.00	102000.00	103000.00	104000.00	105000.00	106000.00	107000.00	108000.00	108530.00	109000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	L=33318.80m																						